

ỦY BAN THỂ DỤC THỂ
THAO
Số: 2260/2005/QĐ-
UBTDTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO**

***Về việc ban hành "Quy chế Tự kiểm tra và xử lý
văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban Thể dục thể thao ban hành"***

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO

Căn cứ Nghị định số 22/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Thể dục thể thao;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế Tự kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban Thể dục thể thao ban hành".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các Quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban Thể dục thể thao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

TỰ KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

DO ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO BAN HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2260/2005/QĐ-UBTDTT ngày 30/11/2005

của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ủy ban Thể dục thể thao trong việc giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao tự kiểm tra và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban Thể dục thể thao ban hành hoặc liên tịch ban hành theo thẩm quyền.

Điều 2. Các văn bản thuộc phạm vi tự kiểm tra

1. Các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban Thể dục thể thao ban hành hoặc liên tịch ban hành theo thẩm quyền bao gồm:

- a) Văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao ban hành bằng hình thức quyết định, chỉ thị, thông tư;
- b) Thông tư liên tịch giữa Ủy ban Thể dục thể thao với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

2. Các văn bản của Ủy ban Thể dục thể thao có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật hoặc do các đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc Ủy ban Thể dục thể thao không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành khi có yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của cơ quan, tổ chức, các cơ quan thông tin đại chúng và của cá nhân, bao gồm:

- a) Văn bản do Bộ trưởng, Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao ký có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm;
- b) Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có thể thức không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng có chứa quy phạm pháp luật

(công văn, thông báo, quy chế, điều lệ, chương trình, kế hoạch, hướng dẫn và các hình thức khác) do Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Thể dục thể thao ban hành.

Điều 3. Mục đích tự kiểm tra văn bản

Công tác tự kiểm tra văn bản được tiến hành nhằm phát hiện những quy định trong các văn bản do Ủy ban Thể dục thể thao ban hành có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội để kịp thời đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, đồng thời xác định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc tham mưu, đề xuất, soạn thảo và ban hành các văn bản có nội dung trái pháp luật

Điều 4. Phạm vi nội dung tự kiểm tra văn bản

Phạm vi nội dung tự kiểm tra văn bản của Ủy ban Thể dục thể thao bao gồm:

1. Tính hợp pháp của văn bản theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 135/2003/NĐ-CP) và hướng dẫn tại điểm 2 Mục I của Thông tư số 01/2004/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP (sau đây gọi là Thông tư số 01/2004/TT-BTP).
2. Sự phù hợp của văn bản với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước.

Điều 5. Nguyên tắc tự kiểm tra và xử lý văn bản

1. Công tác tự kiểm tra văn bản phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.
2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa đơn vị được giao chịu trách nhiệm chính giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm tự kiểm tra văn bản với đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản được kiểm tra và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan.
3. Việc xử lý văn bản trái pháp luật được phát hiện trong quá trình tự kiểm tra phải kịp thời, chính xác, khách quan theo đúng quy định của pháp luật; khắc phục được hậu quả do văn bản trái pháp luật gây ra.

Điều 6. Trách nhiệm tự kiểm tra văn bản

1. Vụ Pháp chế Ủy ban Thể dục thể thao chịu trách nhiệm chính giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm tự kiểm tra các văn bản quy định tại Điều 2 của Quy chế này.
2. Các đơn vị khác thuộc Ủy ban Thể dục thể thao có trách nhiệm:
 - a) Tổ chức tự kiểm tra các văn bản do mình chủ trì soạn thảo và phối hợp với Vụ Pháp chế theo quy định tại Quy chế này nhằm đảm bảo việc tự kiểm tra văn bản được tiến hành kịp thời, đúng quy định của pháp luật;
 - b) Thường xuyên tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban Thể dục thể thao ban hành thuộc phạm vi lĩnh vực đơn vị được giao phụ trách, kịp thời phát hiện các nội dung không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước hoặc khi cơ quan cấp trên ban hành văn bản mới đề đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.
3. Khi phát hiện văn bản có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước, các đơn vị, cán bộ công chức thuộc Ủy ban Thể dục thể thao có trách nhiệm phản ánh kịp thời với Bộ trưởng, Chủ nhiệm; Vụ Pháp chế, Thủ trưởng đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản để kiểm tra, xử lý.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN

Điều 7. Gửi và tiếp nhận văn bản để kiểm tra

1. Đối với các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này, khi làm thủ tục phát hành, Văn phòng Ủy ban Thể dục thể thao có trách nhiệm gửi Vụ Pháp chế 01 bản để tự kiểm tra.

Đơn vị chủ trì soạn thảo phải ghi rõ tên "Vụ Pháp chế" trong mục nơi nhận của văn bản, trừ trường hợp văn bản được gửi cho tất cả các đơn vị thuộc Ủy ban Thể dục thể thao.

Đối với các văn bản liên tịch không do Ủy ban Thể dục thể thao chủ trì soạn thảo và phát hành nhưng là một bên ký ban hành, thì khi nhận được văn bản, Văn phòng Ủy ban Thể dục thể thao có trách nhiệm sao gửi Vụ Pháp chế 01 bản để tự kiểm tra.

2. Khi nhận được thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra văn bản hoặc nhận được yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của cơ quan, tổ chức, các cơ quan thông tin đại chúng và cá nhân về văn bản của Ủy ban Thể dục thể thao có dấu hiệu trái pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy chế này, Văn phòng Ủy ban, Thanh tra Ủy ban và các đơn vị khác thuộc Ủy ban có trách nhiệm thông báo và chuyển các tài liệu có liên quan cho Vụ Pháp chế để tự kiểm tra.

3. Khi nhận được văn bản, tài liệu, Vụ Pháp chế có trách nhiệm ghi vào "Sổ theo dõi kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật", đồng thời có báo cáo bằng văn bản về thông báo, yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại đối với văn bản tại khoản 2 Điều này gửi Bộ trưởng, Chủ nhiệm, Phó chủ nhiệm phụ trách công tác pháp chế và Phó Chủ nhiệm phụ trách lĩnh vực có văn bản được kiểm tra.

Để phục vụ cho mục đích tự kiểm tra văn bản, Vụ Pháp chế có quyền yêu cầu Văn phòng Ủy ban cung cấp bản sao văn bản cụ thể do Ủy ban Thể dục thể thao ban hành mà khi phát hành không gửi cho Vụ Pháp chế.

Điều 8. Tổ chức kiểm tra của Vụ Pháp chế đối với văn bản quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế này

1. Đối với các văn bản do Vụ Pháp chế tiếp nhận để kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này, Vụ trưởng Vụ Pháp chế phân công tổ chuyên viên trong đó có chuyên viên chịu trách nhiệm chính thực hiện việc kiểm tra văn bản. Tùy theo tính chất, nội dung văn bản và yêu cầu kiểm tra, Vụ Pháp chế có thể mời cộng tác viên tham gia.

2. Nhóm chuyên viên được phân công có trách nhiệm nghiên cứu, kiểm tra toàn bộ văn bản, đối chiếu nội dung văn bản được kiểm tra với cơ sở pháp lý quy định tại Điều 7 của Nghị định 135/2003/NĐ-CP và hướng dẫn tại điểm 3 mục I của Thông tư số 01/2004/TT-BTP để xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp pháp của văn bản được kiểm tra.

Đối với văn bản liên tịch mà Ủy ban Thể dục thể thao tham gia ký, phạm vi kiểm tra tập trung vào các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Ủy ban Thể dục thể thao, đồng thời có sự phối hợp với các đơn vị thuộc Ủy ban Thể dục thể thao đã chủ